

NHỮNG KIẾN THỨC CẦN LƯU Ý

PHẦN TIẾNG VIỆT

Bài: TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH

ĐẶC ĐIỂM, CÔNG DỤNG.

Những từ ngữ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái.

Móm mém, xồng xộc, vật vã, rũ rượi, xộc xệch.

⇒ từ tượng hình

Những từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của người:

ư ử, hu hu

⇒ từ tượng thanh.

- Những từ trên có tác dụng gì khi ta dùng chúng trong văn miêu tả, tự sự ?
(Có giá trị biểu cảm cao vì nó gợi hình ảnh, âm thanh cụ thể sinh động.)

Bài: TRỢ TỪ, THÁN TỪ

I. Trợ từ

- Nó ăn hai bát cơm

-> thông báo sự việc khác quan:

- Nó ăn **những** hai bát cơm.

-> có ý nhấn mạnh, đánh giá sự việc: hàm ý là ăn nhiều

Nó ăn **có** hai bát cơm

-> có ý nhấn mạnh, đánh giá sự việc: hàm ý là ăn ít

- **những, có** : biểu thị thái độ nhấn mạnh, sự đánh giá của người nói

- **chính, đích, ngay**: nhấn mạnh đối tượng được nói đến: mình, nó, tôi.

II. Thán từ

Này: gây sự chú ý của người đối thoại

- A: thốt ra để biểu thị sự tức giận (hoặc vui mừng)

- Vâng: biểu thị thái độ lễ phép.

-> có thể làm thành một câu độc lập, hoặc TP biệt lập của câu.

=> **thán từ**

Bài: NÓI QUÁ

Nói quá và tác dụng của nói quá.

1. Nói quá là gì?

a. Ví dụ: sgk

- Không đúng sự thật mà đã nói quá đi sự thật.

- Sự thật: Đêm tháng năm rất ngắn, ngày tháng mười rất ngắn.

Mồ hôi ướt đầm.

Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả.

Vd: Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng.

(Tục ngữ).

2. Tác dụng.

- Cách nói: "... chưa nằm đã sáng, ... chưa cười đã tối, ... thánh thót như mưa ruộng cày" là hay hơn, sinh động hơn.

- Vì nó gây tác dụng nhấn mạnh, tạo ấn tượng và có sức biểu cảm cao.

Nói quá có tác dụng nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt.

- Cách nói như trên có đúng với sự thật không? Hay nói quá sự thật?

- Không đúng sự thật mà đã nói quá đi sự thật. (Không đúng sự thật nhưng có tác dụng nhấn mạnh quy mô, kích thước, tính chất của sự vật sự việc)

- Thực chất mấy câu này nhằm nói điều gì?

(Nói đến hiện tượng đêm tháng năm rất ngắn; nói "ngày tháng mười...tối" là ngụ ý thời gian ngày tháng mười ngắn. Trong câu ca dao này hàm ẩn của lời nói "mồ hôi...ruộng cày" → là ngụ ý nói lao động của người nông dân hết sức vất vả, cực nhọc mồ hôi chảy ra rất nhiều.)

⇒ Đây là cách biểu đạt bằng phóng đại sự thật với mục đích làm cho người ta hiểu rõ sự thật. Cách biểu đạt này chính là biện pháp tu từ nói quá.

- Như vậy, trong hai cách nói ấy, cách nói nào hay hơn, sinh động hơn?

- Cách nói: "... chưa nằm đã sáng, ... chưa cười đã tối, ... thánh thót như mưa ruộng cày" là hay hơn, sinh động hơn.

⇒ ngụ ý chỉ lao động của người nông dân hết sức vất vả, cực nhọc

- Vì sao cách nói như vậy hay hơn?

- Vì nó gây tác dụng mạnh, tạo ấn tượng và có sức biểu cảm cao.

→ **Cách diễn đạt như trên gọi là nói quá.**

Bài: CÂU GHÉP

Đặc điểm của câu ghép.

1. Ví dụ: SGK

2. Nhận xét:

+ 1 C-V: "Buổi mai hôm ấy dài và hẹp".

+ nhiều cụm C-V không bao chứa nhau: "Cảnh vật chung quanh tôi....hôm nay tôi đi học".

+ 2 cụm C-V bao nhau: "Tôi quên thế nào được...quang đăng".

*** Câu ghép là câu do 2 hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành.**

Mỗi cụm C-V được gọi là một vế câu.

Vd: Cảnh vật xung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

II. Cách nối các vế câu:

1. Ví dụ:

2. Nhận xét:

- Câu ghép.

+ Hằng năm ... tựu trường

+ Những ý tưởng ... nhớ hết.

- Câu 3, câu 6: qht (vì, nhưng).

Câu 7: qht (vì).

Câu 1, về (2) (3) câu 7 không dùng từ nối.

***Có 2 cách.**

- Dùng những từ có tác dụng nối.
- + Nối bằng một quan hệ từ.
- + Nối bằng một cặp quan hệ từ.
- + Nối bằng một cặp phó từ, đại từ hay chỉ từ thường đi đôi với nhau (cặp từ hô ứng).
- Không dùng từ nối: trong trường hợp này, giữa các vế câu cần có dấu phẩy, dấu chấm phẩy hoặc dấu hai chấm.

I. Quan hệ, ý nghĩa giữa các vế câu.

- Các vế của câu ghép có quan hệ, ý nghĩa với nhau khá chặt chẽ. Những quan hệ thường gặp là:

- + Quan hệ nguyên nhân.
- + Quan hệ điều kiện (giả thiết).
- + Quan hệ tương phản.
- + Quan hệ tăng tiến.
- + Quan hệ lựa chọn.
- + Quan hệ bổ sung.
- + Quan hệ tiếp nối.
- + Quan hệ đồng thời.
- + Quan hệ giải thích.
- + **Các em cố gắng học tập để ba mẹ vui lòng.**
- + Quan hệ mục đích.
- + **Nếu ai buồn thì gương cũng buồn theo.**
- + Quan hệ điều kiện - kết quả.
- + **Mặc dù nó đau chân nhưng nó vẫn đến lớp đúng giờ.**
- + Quan hệ nguyên nhân.
- + **Mưa càng lớn nước càng dâng cao.**
- + Quan hệ tăng tiến.
- **Các quan hệ trong câu ghép thường được đánh dấu bằng những từ ngữ nào?**
- Cặp quan hệ từ, quan hệ từ, cặp từ hô ứng.
- **Để nhận biết quan hệ ý nghĩa các vế câu ta phải dựa vào đâu?**
- Văn cảnh hoặc hoàn cảnh giao tiếp.

- Mỗi quan hệ thường được đánh dấu bằng những quan hệ từ, cặp quan hệ từ hoặc cặp từ hô ứng nhất định. Tuy nhiên, để nhận biết chính xác quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu, trong nhiều trường hợp, ta phải dựa vào văn cảnh của hoàn cảnh giao tiếp.